

Số: /QĐ-TGPL

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán NSNN năm 2023
của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Định.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TTBTC;

Căn cứ Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ cho các cơ quan, đơn vị dự toán khối tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-STP ngày 06/10/2023 của Sở Tư pháp Bình Định về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổng hợp- Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh, bổ sung toán NSNN năm 2023 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Định (theo các biểu mẫu chi tiết kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổng hợp- Hành chính, kế toán đơn vị và viên chức, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm, Chi nhánh có trách nhiệm liên quan thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp (b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TH.

GIÁM ĐỐC

Lê Thành Trung

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018

Đơn vị: **TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Chương: **414**

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- TGPL ngày / /2023 của Trung tâm TGPL)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: 1.000 đồng

| Số TT | Nội dung | Dự toán được giao |
|--------------|---|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 |
| A | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | |
| B | Dự toán chi ngân sách nhà nước | |
| I | Chi hoạt động kinh tế | |
| 1 | Dự toán được giao | 72.000 |
| 1.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Kinh phí thực hiện tự chủ Chi lương và bộ máy hành chính) | 0 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: Cấp bổ sung kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo NĐ 24/2023/NĐ-CP (14) | 72.000 |
| 2 | Dự toán được giữ lại theo quy định | 0 |
| 2.1 | * Kinh phí thực hiện tự chủ | |
| 2.2 | * Kinh phí không thực hiện tự chủ | |
| 3 | Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm | 72.000 |
| 4 | Dự toán phân bổ đơn vị được rút tại KBNN kỳ này | 72.000 |
| 4.1 | * Kinh phí thực hiện tự chủ | 0 |
| | - Chi quỹ lương và bộ máy hành chính | 0 |
| | - 10% TK chi TX để lại đơn vị thực hiện CCTL | |
| 4.2 | * Kinh phí không thực hiện tự chủ | 72.000 |
| a | - Cấp bổ sung kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo NĐ 24/2023/NĐ-CP (14) | 72.000 |
| b | Chi nghiệp vụ hoạt động Trợ giúp pháp lý | |